

Đơn vị: TRƯỜNG THCS ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1122 /QĐ- PGD-ĐT ngày 29/12/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo TPVL)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.688.000.000	13.671.551.833	141,12	142,83
6000	Tiền lương	5.490.280.000	7.644.720.429	139,24	189,60
	6001 Lương theo ngạch, bậc	5.490.280.000	5.199.031.406	94,70	138,49
6100	Phụ cấp lương	2.298.940.340	2.445.689.023	106,38	879,90
	6101 Phụ cấp chức vụ	96.876.000	87.400.404	90,22	103,75
	6112 Phụ cấp ưu đãi nghề	1.324.328.340	1.523.341.495	115,03	1808,34
	6113 Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	47.736.000	31.860.000	66,74	70,80
	6115 Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	830.000.000	803.087.124	96,76	1245,64
6300	Các khoản đóng góp	1.508.031.660	1.431.036.940	94,89	40,01
	6301 Bảo hiểm xã hội	1.090.916.520	1.035.218.218	94,89	90,62
	6302 Bảo hiểm y tế	192.514.680	182.685.565	94,89	2365,47
	6303 Kinh phí công đoàn	128.343.120	121.790.379	94,89	18,43
	6304 Bảo hiểm thất nghiệp	64.171.560	60.895.187	94,89	6,24
	6349 Các khoản đóng góp khác	32.085.780	30.447.591	94,89	3,85
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	154.548.000	144.622.800	93,58	155,46
	6449 Chi khác	154.548.000	144.622.800	93,58	155,46
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	200.000.000			
	6501 Thanh toán tiền điện	150.000.000			
	6502 Thanh toán tiền nước	50.000.000			

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
6550	Vật tư văn phòng				
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
6700	Công tác phí	22.200.000	11.100.000	50,00	50,11
	6704 Khoán công tác phí	22.200.000	11.100.000	50,00	50,11
6750	Chi phí thuê mướn				
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên				
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn				
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	14.000.000	12.000.000	85,71	100,00
	7004 Đồng phục, trang phục	14.000.000	12.000.000	85,71	100,00
7750	Chi khác		1.982.382.641	#DIV/0!	127,27
	7951 Trích lập quỹ bổ sung thu nhập		1.189.429.585	#DIV/0!	89,84
	7952 Trích lập quỹ Phúc lợi		495.595.660	#DIV/0!	#DIV/0!
	7954 Trích lập quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp		297.357.396	#DIV/0!	127,27
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.900.000.000	10.362.984.934	116,44	135,33
	7766 Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	2.478.000.000	2.986.800.000	120,53	115,95
	6105 Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	285.000.000	194.802.496	68,35	100,52
	6112 Phụ cấp ưu đãi nghề (Gv dạy HS hoà nhập)	293.000.000	246.382.438	84,09	137,33
	6201 Tiền thưởng	284.000.000	284.000.000	100,00	#DIV/0!
	6449 Kinh phí thực hiện chi tăng thu nhập theo NQ 08/2023/NQ-HDND	5.560.000.000	6.651.000.000	119,62	141,26

KẾ TOÁN



Huỳnh Ngô Kim Hương

Quận 3, ngày 07 tháng 02 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ngọc Thuỷ

Số: 2236/QĐ-ĐTĐ

Quận 3, ngày 12 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của trường THCS Đoàn Thị Điểm

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ – CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2187/ QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy Ban Nhân Dân Quận 3 về giao bổ sung dự toán Chi ngân sách Nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của kế toán và các bộ phận của trường THCS Đoàn Thị Điểm

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 của trường THCS Đoàn Thị Điểm (theo biểu đính kèm).

Điều 2 : Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3 : Bộ phận phụ trách Kế toán và các bộ phận liên quan của trường THCS Đoàn Thị Điểm chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND Q3;
- Phòng TC-KH Q3;
- Lưu :VT,



Nguyễn Thị Ngọc Thủy

Đơn vị: TRƯỜNG THCS ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Theo Quyết định số 2187/QĐ- UBND ngày 14/11/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 3)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	-
1	Lệ phí	
2	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
	Học phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	64.299
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	243.412
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy	64.299
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	64.299
	B6 sung kinh phí chi hrong, phu cgp, cac khoan dong gop	243.412
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Ngày 12 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ngọc Thủy